

# ĐIỀU CHỈNH PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI ĐÌNH CÔNG VÀ GIẢI QUYẾT ĐÌNH CÔNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS. ĐỖ NGÂN BÌNH \*

Sự tồn tại khách quan của đình công trong cơ chế kinh tế thị trường ở Việt Nam cho thấy sự cần thiết phải điều chỉnh pháp luật đối với đình công cũng như có những định chế pháp lý để giải quyết các cuộc đình công một cách nhanh chóng và hiệu quả. Điều chỉnh pháp luật là việc Nhà nước dùng pháp luật, dựa vào pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội, tác động theo những hướng tích cực vào các quan hệ xã hội, tạo lập trật tự theo ý chí của Nhà nước. Mặc dù từ lâu trên thế giới vấn đề đình công và giải quyết đình công đã được coi là đối tượng điều chỉnh của pháp luật nhưng ở Việt Nam phải đến năm 1994, đình công mới chính thức được pháp luật lao động điều chỉnh. Lý do chủ yếu của việc điều chỉnh pháp luật đối với đình công ở Việt Nam là do sự chuyển đổi cơ chế kinh tế dẫn đến sự xuất hiện của các quan hệ đình công trong thực tiễn. Cùng với sự phát triển của cơ chế kinh tế thị trường và trong bối cảnh hội nhập quốc tế, đình công đã và đang ngày càng trở thành vấn đề phức tạp, đòi hỏi phải có sự điều chỉnh kịp thời của pháp luật. Bên cạnh lý do khách quan nói trên, với tầm quan trọng và ảnh hưởng không nhỏ của đình công đối với sự ổn định của xã hội, xét trên phương diện lý luận, quan hệ đình công và giải quyết đình công

rất cần được đặt dưới sự điều chỉnh của pháp luật.

Đình công là hiện tượng kinh tế xã hội mang tính tất yếu khách quan trong kinh tế thị trường. Tính chất phức tạp của đình công cho thấy cần có sự điều chỉnh để đình công phát huy mặt tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực. Nếu không có sự điều chỉnh kịp thời và hợp lý, đình công sẽ để lại những hậu quả nghiêm trọng đối với kinh tế xã hội. Bằng những thuộc tính riêng, những sức mạnh mà các quy phạm xã hội khác không có, pháp luật điều chỉnh vấn đề đình công và giải quyết đình công vừa phù hợp với quy luật phát triển khách quan, vừa đảm bảo sự định hướng của Nhà nước. Ưu thế của pháp luật chủ yếu thể hiện ở những mặt sau: 1) Pháp luật có phạm vi điều chỉnh rộng lớn. Đây là ưu thế hơn hẳn của pháp luật trong việc điều chỉnh đình công và giải quyết đình công. Nhìn chung, so với các quy phạm xã hội khác, quy phạm pháp luật có tính bao quát và rộng khắp hơn;<sup>(1)</sup> 2) Pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nên được đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế của quyền lực nhà nước,<sup>(2)</sup> nhờ đó, pháp luật điều chỉnh đình công có

\* Giảng viên Khoa pháp luật kinh tế Trường đại học luật Hà Nội

khả năng hiện thực hoá trong cuộc sống một cách dễ dàng, thuận lợi và nhanh chóng; 3) Tính xác định về mặt hình thức và tính chặt chẽ về mặt nội dung cũng là những yếu tố quan trọng đảm bảo hiệu quả điều chỉnh pháp luật đối với đình công và giải quyết đình công.

Với những ưu thế nêu trên, pháp luật có khả năng định hướng vấn đề đình công và giải quyết đình công phù hợp với ý chí của Nhà nước. Thực tế cho thấy *"trong bất cứ chế độ kinh tế nào cũng cần có sự điều tiết của nhà nước bằng pháp luật để giải quyết những vấn đề mà tự thân cơ chế kinh tế không thể giải quyết được"*.<sup>(3)</sup> Đình công và giải quyết đình công là một trong những vấn đề bức xúc đặt ra khi chúng ta chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường nên việc điều chỉnh pháp luật đối với đình công và giải quyết đình công là yêu cầu tất yếu, mang tính khách quan. Nhìn một cách khái quát, trong thời kì kế hoạch hoá tập trung, do những đặc trưng của cơ chế này mà đình công không có "đất" để tồn tại, vì thế nhu cầu điều chỉnh pháp luật đương nhiên không được đặt ra. Chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường, những xung đột về lợi ích đã nảy sinh trong các quan hệ lao động và là tiền đề dẫn đến sự ra đời của đình công. Thực tế Việt Nam đã chứng minh trong khoảng thời gian từ 1987-1994 xuất hiện nhiều cuộc đình công nhưng do không có quy định về vấn đề này nên mọi cuộc đình công đều bị coi là bất hợp pháp. Thậm chí người ta còn rất né tránh khi nói đến vấn đề này, hay gọi nó bằng những tên gọi khác đi, không phản ánh đúng bản chất của sự

việc. Điều này đã đi ngược lại quy định trong Sắc lệnh số 29/SL (1947) và không phù hợp với thông lệ quốc tế, cũng như quan điểm của Tổ chức lao động quốc tế (ILO) khi coi đình công là quyền của người lao động. Chỉ sau khi Bộ luật lao động được ban hành với các quy định tương đối cụ thể về đình công và giải quyết đình công, chúng ta mới có cơ sở pháp lý để xem xét tính hợp pháp của các cuộc đình công. Tất nhiên, tính hợp lý của các quy định về đình công và giải quyết đình công ở Việt Nam hiện nay còn là vấn đề cần phải bàn tiếp nhưng với việc thừa nhận và quy định về quyền đình công như hiện nay, pháp luật Việt Nam đã kịp thời điều chỉnh hiện tượng rất mới của kinh tế thị trường. Nói cách khác *"thực trạng quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam đã xác định sự cần thiết khách quan phải có sự can thiệp mạnh mẽ của Nhà nước ở lĩnh vực này. Sự can thiệp của Nhà nước phải được thực hiện toàn diện, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực với nội dung hoàn chỉnh cơ sở pháp lý cho tất cả các lĩnh vực đó"*.<sup>(4)</sup>

Để thực hiện việc điều chỉnh pháp luật đối với đình công và giải quyết đình công ở Việt Nam trong bối cảnh kinh tế xã hội hiện nay, trước hết phải căn cứ vào quan điểm của Đảng và Nhà nước với chủ trương *"mở rộng thị trường lao động trong nước có sự kiểm tra, giám sát của Nhà nước, bảo vệ lợi ích của người lao động và của người sử dụng lao động"*.<sup>(5)</sup> Dưới sự định hướng của Nhà nước và do tác động của các yếu tố khách quan tồn tại trong thực tiễn kinh tế xã hội hiện nay, hàng loạt vấn đề đã được đặt

ra trong việc điều chỉnh pháp luật đối với đình công và giải quyết đình công. Cụ thể là phải đáp ứng những yêu cầu sau:

*Thứ nhất*, điều chỉnh pháp luật đối với đình công và giải quyết đình công phải đảm bảo lợi ích của các bên trong quan hệ đình công và lợi ích của các chủ thể có liên quan theo nguyên tắc “trước pháp luật mọi người đều bình đẳng”. Đây là vấn đề không đơn giản, vì ngay cả khi tranh chấp lao động và đình công chưa xảy ra, trong tương quan lao động đã ẩn chứa các mâu thuẫn về lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động. Sự bất đồng về lợi ích giữa các bên nếu không được giải quyết sẽ là nguyên nhân cơ bản dẫn đến những phản kháng tiêu cực của người lao động ở dạng này hay dạng khác, trong đó có đình công. Xuất phát từ quan điểm đảm bảo lợi ích chính đáng của người lao động trong quá trình lao động là đòi hỏi tất yếu nhằm tăng cường tính tích cực của người lao động trong quá trình sản xuất,<sup>(6)</sup> pháp luật đã thừa nhận đình công là quyền tập thể của người lao động và có những quy định để đảm bảo khả năng thực hiện quyền này trong thực tế. Đình công cũng gây những thiệt hại về vật chất cho người sử dụng lao động và ảnh hưởng đến lợi ích của những người lao động không tham gia đình công. Điều đó đặt ra yêu cầu phải bảo đảm quyền lợi của người sử dụng và các chủ thể có liên quan khi xảy ra đình công. Nếu điều chỉnh pháp luật về lao động nói chung và điều chỉnh pháp luật về đình công nói riêng quá thiên vị người lao động thì có thể phá vỡ tương quan lao động, bởi vì do người sử dụng lao động buộc phải chấm

dứt hoạt động vì thiệt hại kinh tế do đình công gây ra quá lớn. Đây là “bài toán khó” đặt ra cho các nhà làm luật, vì pháp luật phải vừa đảm bảo khả năng sử dụng quyền đình công như phương tiện tự bảo vệ của người lao động vừa phải tính đến lợi ích của người sử dụng lao động, hạn chế đến mức thấp nhất các hậu quả tiêu cực do đình công gây ra đối với người sử dụng lao động và một số người khác có liên quan. Vấn đề này đòi hỏi phải có sự dung hoà cần thiết thông qua việc đặt ra các quy phạm pháp luật trong quá trình điều chỉnh pháp luật đối với đình công và giải quyết đình công.

*Thứ hai*, điều chỉnh pháp luật đối với đình công phải đảm bảo lợi ích chung của Nhà nước và xã hội. Lợi ích chung của xã hội bao gồm lợi ích kinh tế, chính trị và văn hoá xã hội. Lợi ích kinh tế của toàn xã hội bao quát những lợi ích kinh tế của cá nhân và tập thể lao động. Nếu không có lợi ích toàn xã hội thì không thể thực hiện lợi ích căn bản của cá nhân và tập thể. Đồng thời nếu không chú ý và thực hiện lợi ích cá nhân thì không thể thực hiện một cách đầy đủ nhất lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội.<sup>(7)</sup> Từ đó đặt ra vấn đề là nếu pháp luật đình công bảo vệ lợi ích của người lao động thì có đồng nghĩa với việc bảo vệ lợi ích chung của xã hội hay không? Dưới góc độ lý luận, lợi ích của người lao động, lợi ích xã hội và lợi ích của Nhà nước hiện nay ở Việt Nam là thống nhất, do xuất phát từ bản chất của Nhà nước Việt Nam là “của dân, do dân và vì dân”. Do đó, điều chỉnh pháp luật đối với đình công sẽ dễ dàng giải quyết mối quan hệ giữa lợi ích của người lao động và lợi ích chung của xã

hội. Nhưng trong thực tế, vấn đề này không đơn giản bởi đình công bên cạnh những ảnh hưởng tích cực cũng gây những thiệt hại về kinh tế đối với chủ sử dụng lao động, gây sự mất ổn định xã hội tại nơi diễn ra đình công. Đình công rất dễ chuyển thành những hiện tượng chính trị phức tạp khác mà ảnh hưởng của nó có thể vượt ra ngoài phạm vi lĩnh vực lao động xã hội. Ngoài ra, nếu để đình công kéo dài và không điều chỉnh kịp thời, thiệt hại về kinh tế do đình công gây ra sẽ tác động không nhỏ đến tốc độ phát triển kinh tế của vùng, ngành hay thậm chí cả quốc gia. Bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn đình công ở các quốc gia khác như Pháp, Đức, Hàn Quốc đã cho thấy rõ điều đó. Vì thế, khi điều chỉnh pháp luật đối với đình công cần lưu ý đến vấn đề lợi ích chung của cộng đồng. Đây cũng là lý do giải thích tại sao khi thừa nhận quyền đình công của người lao động, pháp luật nhiều quốc gia không coi sự ngừng việc tập thể có mục đích chính trị nhằm gây sức ép với nhà nước là đình công cũng như không cho phép người lao động nhân danh quyền lợi tập thể để tiến hành những hành vi này.

*Thứ ba*, điều chỉnh pháp luật đối với đình công và giải quyết đình công phải phù hợp với sự vận động của các quy luật khách quan trong kinh tế thị trường và đảm bảo sự định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế. Xét cả trên phương diện lý luận và thực tiễn, đây là yêu cầu rất khó khăn nhưng đồng thời cũng rất cần thiết trong bối cảnh Việt Nam hiện nay. Khó khăn là ở chỗ một mặt điều chỉnh pháp luật phải tạo mọi điều kiện để đình công được đảm bảo thực hiện

như là kết quả tất yếu của xung đột về lợi ích trong tương quan lao động, phù hợp với quy luật sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập trong triết học. Mặt khác, pháp luật phải xác định các tiêu chí để tạo ra “hành lang pháp lý” nhằm điều chỉnh hành vi của các bên trong quá trình đình công và giải quyết đình công không đi chệch sự định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong lĩnh vực lao động xã hội, sự định hướng này được hiểu là đảm bảo các chính sách xã hội, không ảnh hưởng đến chủ trương chung về chính trị, xã hội của Nhà nước, bảo vệ lợi ích của số đông công nhân lao động... Vì vậy, có thể thấy đình công là vấn đề rất nhạy cảm. Việc điều chỉnh pháp luật đối với đình công là tất yếu khách quan trong nền kinh tế thị trường nhưng cho phép và mở rộng đến đâu lại phụ thuộc vào sự định hướng và quan điểm của Đảng về vấn đề này.

*Thứ tư*, điều chỉnh pháp luật đối với đình công và giải quyết đình công phải đảm bảo môi trường pháp lý thuận lợi, thu hút đầu tư nước ngoài song song với việc hạn chế các hiện tượng vi phạm pháp luật. Thực tế khách quan là đình công đang diễn ra với cường độ ngày càng gia tăng trong khu vực có đầu tư nước ngoài, đặc biệt là ở các doanh nghiệp liên doanh với Hàn Quốc, Đài Loan. Điều này đã đặt chúng ta vào tình huống khó khăn khi điều chỉnh pháp luật đối với đình công. Nếu chúng ta cho phép và tạo mọi điều kiện để người lao động thực hiện quyền đình công nhằm bảo vệ các lợi ích chính đáng đang bị chủ sử dụng lao động nước ngoài xâm phạm thì có thể làm giảm tính hấp dẫn của môi trường pháp lý trong thu hút đầu tư

nước ngoài. Dù muốn hay không, đình công cũng gây sự bất ổn trong quan hệ lao động và đây là điều mà giới chủ không mong muốn. Nhưng ngược lại, nếu hạn chế khả năng sử dụng quyền đình công thì người lao động sẽ mất đi phương tiện hữu hiệu để tự bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình trước những hành vi vi phạm pháp luật của các ông chủ nước ngoài đang diễn ra khá phổ biến ở khu vực kinh tế này.

Ngoài những yêu cầu nêu trên, khi điều chỉnh pháp luật đối với đình công và giải quyết đình công ở Việt Nam, chúng ta cũng gặp những khó khăn mà mọi quốc gia khi quy định quyền đình công đều không tránh khỏi.

*Thứ nhất*, đình công là quyền mang tính tập thể mạnh, thường có xu hướng mở rộng phạm vi và luôn luôn biến đổi hình thái, thu hút sự tham gia của người lao động trong và ngoài doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề giới hạn phạm vi đình công đến đâu, cho phép và thừa nhận các hình thái đình công nào không chỉ phụ thuộc vào ý chí chủ quan của nhà làm luật, hay sự chỉ đạo có tính định hướng của Nhà nước mà còn phải căn cứ vào những đòi hỏi của thực tiễn khách quan, căn cứ vào tập quán đình công (nếu có) và quan trọng là phải trên cơ sở đánh giá chính xác bản chất, cũng như các tính chất cơ bản của đình công.

*Thứ hai*, đình công là hiện tượng vũ lực, nhiều khi bất chấp những cấm đoán của pháp luật. Thực tế đã chứng minh trong quá trình đình công, nhiều người lao động đã có những hành vi vượt quá giới hạn cho phép của quyền đình công như đập phá máy móc, đánh người sử dụng lao động... Định liệu trước những vấn đề này, trong pháp luật điều

chỉnh đình công và giải quyết đình công của các quốc gia thường có những quy định về hành vi cấm thực hiện trước, trong và sau đình công; cùng với đó là các chế tài nghiêm khắc. Trong thực tế, các chế tài này thường tỏ ra kém hiệu quả do người lao động biết nhưng vẫn thực hiện trong trạng thái tinh thần quá khích. Một số quốc gia, với ý tưởng ngăn chặn những tác động mạnh mẽ và mang tính vũ lực của đình công đã đặt ra các quy định quá chặt chẽ với mục đích sử dụng pháp luật như một "hành lang hẹp" hạn chế đình công. Quan điểm đó đã đi ngược lại với xu thế vận động có tính quy luật của đình công, bởi đình công giống như một con ngựa bất kham khó kiềm chế. Vậy làm thế nào để giảm thiểu đình công cũng như hạn chế thấp nhất những hậu quả tiêu cực do đình công gây ra? Đó là câu hỏi không chỉ đặt ra trong điều chỉnh pháp luật đối với đình công ở Việt Nam mà cũng là câu hỏi chung của mọi quốc gia. Vấn đề này không những phụ thuộc vào quy luật khách quan của đình công mà còn phụ thuộc vào ý chí chủ quan của Nhà nước khi ban hành pháp luật.

*Thứ ba*, quyền đình công mâu thuẫn với quyền tự do làm việc. Trong khi thừa nhận đình công tức là bảo vệ quyền lợi của những người lao động tán thành và tự nguyện tham gia đình công, chúng ta đã làm mất đi quyền làm việc của những người lao động không tham gia đình công. Vậy làm thế nào để bảo vệ quyền lợi của những người này, đặc biệt là quyền hưởng lương trong thời gian xảy ra đình công? Trong thực tế, đây là vấn đề không dễ giải quyết. Có quan điểm cho rằng

bản thân giới chủ không mong muốn đình công xảy ra, càng không muốn những người lao động không tham gia đình công bị mất việc làm. Do đó, việc họ không được làm việc trong thời gian đình công là trường hợp bất khả kháng, không do lỗi của chủ sử dụng lao động. Vì vậy, người sử dụng lao động không phải trả lương trong những ngày đình công. Nhưng lại có ý kiến cho rằng đình công xảy ra một phần do nguyên nhân từ phía người sử dụng lao động, và lại bản thân người lao động không tham gia đình công cũng rất muốn làm việc trong thời gian đó nên người sử dụng lao động phải trả một phần lương nhất định để người lao động chi dùng cho những sinh hoạt cần thiết. Bên cạnh đó, mâu thuẫn giữa quyền tự do làm việc và quyền đình công còn chi phối vấn đề quy định đình công thông qua lấy ý kiến của tập thể lao động. Cụ thể là để vừa đảm bảo quyền đình công, vừa đảm bảo quyền làm việc của những người lao động trong một tập thể không đồng nhất ý kiến, có cần lấy ý kiến của toàn bộ tập thể lao động về việc đình công hay không? Tỷ lệ tán thành có phải là yêu cầu quan trọng về mặt thủ tục để đảm bảo tính hợp pháp của đình công?

*Thứ tư*, bên cạnh những yêu cầu có tính khách quan nói trên, các nhà lập pháp còn phải dựa vào truyền thống pháp lý của luật tố tụng nói chung để xác định cơ chế giải quyết đình công hợp lý, sao cho vừa phù hợp với đòi hỏi của luật nội dung, vừa phù hợp với cơ chế chung có tính nguyên tắc của luật tố

tụng tại quốc gia đó.

Trên đây là những vấn đề cơ bản mà Nhà nước phải tính đến khi tiến hành điều chỉnh pháp luật đối với đình công và giải quyết đình công nhằm đảm bảo cho cơ chế này vận hành một cách hiệu quả. Về mặt lý luận, pháp luật đình công và giải quyết đình công do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện.<sup>(8)</sup> Với tư cách là tổ chức có quyền lực bao trùm toàn xã hội, Nhà nước có bộ máy cưỡng chế đặc biệt để đảm bảo cho các quy phạm pháp luật về đình công và giải quyết đình công được thực thi trong thực tế. Để thực hiện điều chỉnh pháp luật đối với đình công, Nhà nước trước hết phải xác định mục đích, nhiệm vụ của điều chỉnh pháp luật, cũng như phạm vi, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của pháp luật đối với đình công và giải quyết đình công. Trên cơ sở đó, các cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành các hoạt động cụ thể để thực hiện sự điều chỉnh pháp luật đối với các quan hệ đình công và quan hệ giải quyết đình công. Các hoạt động cụ thể đó được thực hiện dưới các hình thức cơ bản là: 1) Xây dựng pháp luật. Thông qua các cơ quan có thẩm quyền, Nhà nước ban hành các văn bản chứa đựng các quy phạm pháp luật về đình công và giải quyết đình công; 2) Nhà nước tổ chức thực hiện pháp luật và bảo vệ pháp luật về đình công và giải quyết đình công. Thông qua hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền trong những trường hợp cần thiết cũng như việc xác định và áp dụng các hình thức chế tài đối với các chủ thể vi phạm pháp luật, Nhà nước đã đảm bảo cho sự vận

hành của cơ chế điều chỉnh pháp luật đối với đình công và giải quyết đình công. Nói như GS.TS. Hoàng Văn Hào thì: “*Chức năng quan trọng nhất của Nhà nước trong điều kiện kinh tế thị trường là ban hành pháp luật và đảm bảo thực hiện pháp luật, tăng cường pháp chế trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội*”.<sup>(9)</sup> Chức năng này thể hiện rõ nét trong cơ chế điều chỉnh pháp luật nói chung, điều chỉnh pháp luật đối với đình công và giải quyết đình công nói riêng.

Phương pháp điều chỉnh pháp luật đối với đình công và giải quyết đình công được hiểu là “cách thức sử dụng pháp luật để mô hình hoá, điển hình hoá và định hướng” vấn đề đình công và giải quyết đình công.<sup>(10)</sup> Mặc dù đình công tồn tại khách quan trong xã hội nhưng mức độ ảnh hưởng của nó lại phụ thuộc vào cách xử sự của các bên trong quan hệ lao động. Khi tiến hành đình công, những người lao động và người sử dụng lao động có nhiều cách xử sự khác nhau. Người lao động có thể ngừng làm việc và không đến doanh nghiệp; họ cũng có thể ngừng việc và chiếm luôn xưởng, ngăn không cho người khác vào làm việc, thậm chí có những hành vi quá khích như đập phá máy móc, xô xát với người sử dụng lao động... Phản ứng lại, chủ sử dụng lao động có thể ngăn cản đình công bằng các biện pháp như giải thích, thuyết phục hay dùng bạo lực; hoặc đóng cửa xí nghiệp, sa thải hàng loạt những người lao động đã tham gia đình công. Để điều chỉnh những hiện tượng phức tạp này, pháp luật phải dự liệu trước và đưa ra cách xử sự thích hợp để các chủ thể tuân theo. Đồng thời, thông qua hoạt động của các cơ quan chức năng, Nhà nước

đảm bảo sự tuân thủ pháp luật của các chủ thể. Như vậy, bằng việc mô hình hoá các nhu cầu khách quan của xã hội, Nhà nước đã đưa ra các cách xử sự hợp lý nhất, phù hợp với nguyện vọng chung của các bên và đảm bảo lợi ích chung của xã hội, biến chúng thành các quy phạm pháp luật có tính bắt buộc và được đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp cưỡng chế nhà nước.

Trên đây là một số vấn đề lý luận cơ bản về điều chỉnh pháp luật đối với đình công và giải quyết đình công ở Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay. Hy vọng các vấn đề được nêu ra ở đây sẽ góp phần xây dựng và hoàn thiện pháp luật về đình công và giải quyết đình công theo hướng phù hợp hơn với yêu cầu của thực tiễn khách quan và tăng tính khả thi trong thực tế áp dụng./.

(1), (2), (10).Xem: “*Những vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và pháp luật*”, Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, tr. 126, 128, 129.

(3).Xem: PGS.TS. Lê Minh Tâm, “*Pháp luật - yếu tố quan trọng bảo đảm tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững*”, Tạp chí luật học số 3/2000, tr.35 - 41.

(4), (6).Xem: Phạm Thị Xuân Hương - Luận án tiến sĩ triết học, “*Vấn đề đình công của công nhân ở nước ta hiện nay*”, Hà Nội 2001.

(5).Xem: “*Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*”, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2001, tr.100.

(7).Xem: GS. Vũ Chấn, “*Quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN*”, Tạp chí quốc phòng toàn dân, số 1/1995.

(8).Xem: Nguyễn Quốc Hoàn - Luận án tiến sĩ “*Cơ chế điều chỉnh pháp luật Việt Nam*”, Hà Nội 2002, tr.10.

(9). Xem: GS.TS Hoàng Văn Hào, “*Tìm hiểu vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường*”, Tạp chí luật học số 3/1999.